

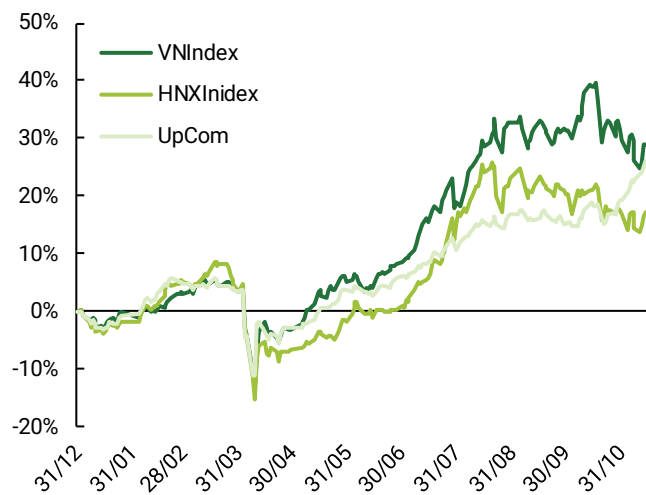
VN-Index **1631.44 (-0.03%)**
 742 Tr. cổ phiếu 21840.1 Tỷ VND (-1.76%)

HNX-Index **266.29 (0.57%)**
 90 Tr. cổ phiếu 2143.7 Tỷ VND (47.10%)

UPCOM-Index **120.04 (0.85%)**
 34 Tr. cổ phiếu 772.8 Tỷ VND (17.89%)

VN30F1M **1863.00 (-0.41%)**
 297,141 HD OI: 30,763 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

▪ **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1631.4, giảm 0.4 điểm (-0.03%). Thanh khoản giảm nhẹ với độ rộng nghiêng về bên mua. Trạng thái giằng co cũng diễn ra ở VN30, HNXIndex.

▪ **Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm trụ cột (Ngân hàng, Bất động sản) điều chỉnh trong khi dòng tiền hoạt động tốt hơn ở nhóm MidCap, đặc biệt với các cổ phiếu phục hồi từ nền giá thấp.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Thực phẩm và đồ uống: VNM (+3.3%), VHC (+2.8%) | Hóa chất: DGC (+7.0%), CSV (+5.4%) | Dầu khí: PVD (+7.0%), BSR (+1.6%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (+7.0%), HAH (+5.1%) | Tiện ích: REE (+2.0%), POW (+3.2%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: STB (-3.8%), TPB (-2.0%), EIB (-1.2%) | Bất động sản: DIG (-2.9%), CRE (-2.8%), VRE (-2.6%) | Dịch vụ tài chính: VIX (-1.8%), SSI (-1.6%) | Tài nguyên Cơ bản: HHP (-4.7%), HPG (-1.7%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VNM, GEE, DGC, VCB, GAS - Chiều giảm | STB, HPG, VHM, FPT, VPB

Khối ngoại Bán ròng gần 970 tỷ, tập trung nhiều ở STB, VCI, VIX, trong khi mua ròng FPT, VNM, TCB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

▪ **VN-Index** thu hẹp biên độ và chuyển sang trạng thái lưỡng lự sau phiên bật tăng trước đó. Tín hiệu phù hợp kỹ thuật khi khu vực cản khá gần, quanh ngưỡng 1640 – 1660 điểm. Vận động có lẽ cần tích lũy thêm để củng cố đà phục hồi. Dòng tiền đang hoạt động tốt ở nhóm MidCap cho thấy sự luân chuyển tìm kiếm cơ hội hơn là dấu hiệu rút lui khỏi thị trường. Nếu chỉ số vượt trên ngưỡng 1660 điểm có thể kỳ vọng nhịp hồi tiếp tục tiến lên vùng cản xa hơn quanh mức 1690 – 1700 điểm. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh mốc 1610 điểm.

▪ **Đối với HNX-Index**, chỉ số giữ sắc xanh nhưng có bóng nền phía trên, hàm ý lực cung vẫn chi phối tại cản. Vận động có thể tiếp tục rung lắc trong biên độ 262 – 268 để tích lũy thêm.

▪ **Chiến lược chung:** Nhịp hồi nghiêng về cơ cấu cho các vị thế chưa kịp xử lý trước đó. Tỷ trọng chung nên được duy trì ở mức trung bình. Chiều mua mới phù hợp khẩu vị lướt sóng (vào nhanh thoát nhanh). Với khẩu vị này, NĐT có thể chú ý tín hiệu kiểm định tốt hỗ trợ, với mẫu hình đáy thứ hai cao hơn đang dần hình thành tại các nhóm ngành như: Dầu khí, Xuất khẩu, Thép, Tiện ích.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua SAB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,631.4 ▼	-0.03%	-0.7%	-7.6%	21,840.1 ▼	-1.8%	22.0%	-51.0%	741.6 ▼	-6.9%	26.7%	-44.6%						
HNX-Index	266.3 ▬	0.6%	0.1%	-3.3%	2,143.7 ▲	47.1%	11.5%	-37.6%	90.3 ▲	33.9%	5.5%	-36.4%						
UPCOM-Index	120.0 ▬	0.8%	3.3%	6.5%	772.8 ▲	17.9%	-10.5%	-4.3%	33.6 ▲	32.1%	9.7%	-20.0%						
VN30	1,864.2 ▼	-0.4%	-0.3%	-7.4%	11,133.1 ▼	-6.7%	13.8%	-59.5%	275.2 ▼	-21.0%	9.0%	-57.4%						
VNMID	2,280.3 ▼	0.0%	-1.0%	-9.5%	8,561.0 ▬	0.5%	27.4%	-38.6%	321.1 ▲	4.6%	30.8%	-36.0%						
VNSML	1,529.7 ▬	0.4%	0.1%	-3.5%	1,562.4 ▲	21.6%	42.9%	-23.2%	73.4 ▼	-8.8%	3.7%	-46.3%						
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	622.4 ▼	-0.3%	-1.91%	-9.1%	4,789.6 ▼	-18.2%	-13.0%	-43.4%	187.2 ▼	-23.3%	-14.5%	-42.6%						
Bất động sản	620.2 ▼	-0.2%	-0.6%	-3.7%	3,026.2 ▼	-13.1%	-21.2%	-55.0%	101.0 ▼	-14.5%	-19.2%	-53.9%						
Dịch vụ tài chính	316.6 ▼	-1.0%	-1.8%	-14.7%	2,788.3 ▼	-33.6%	-17.5%	-46.2%	99.2 ▼	-34.1%	-21.2%	-42.6%						
Công nghiệp	266.8 ▲	2.5%	-3.1%	-1.5%	1,808.2 ▼	-14.2%	17.4%	-23.3%	47.2 ▲	8.2%	23.3%	-7.3%						
Tài nguyên cơ bản	528.8 ▼	-1.4%	2.2%	-7.7%	831.1 ▼	-35.6%	-36.7%	-49.2%	34.8 ▼	-39.1%	-38.2%	-49.7%						
Xây dựng - Vật Liệu	192.6 ▬	0.6%	0.5%	-2.0%	1,118.4 ▲	4.1%	6.1%	-38.7%	44.9 ▼	-4.7%	-0.4%	-37.8%						
Thực phẩm	557.0 ▲	1.1%	0.3%	-1.9%	1,782.5 ▲	24.9%	41.3%	-18.9%	42.7 ▲	20.6%	29.3%	-15.2%						
Bán Lẻ	1,474.5 ▼	-0.3%	0.7%	-1.2%	557.5 ▲	2.6%	-23.2%	-44.8%	8.4 ▲	7.2%	-19.4%	-39.1%						
Công nghệ	523.7 ▼	-1.6%	-0.3%	4.3%	1,082.4 ▲	58.2%	34.4%	-23.6%	11.6 ▲	44.2%	23.7%	-30.2%						
Hóa chất	173.2 ▲	2.4%	-2.1%	0.1%	1,415.1 ▲	298.1%	228.5%	138.5%	27.8 ▲	171.1%	106.1%	51.1%						
Tiện ích	662.7 ▲	1.4%	-1.5%	-0.2%	602.7 ▲	254.4%	231.1%	89.5%	34.6 ▲	297.0%	308.2%	144.1%						
Dầu khí	74.6 ▲	2.04%	-4.4%	-6.4%	986.3 ▲	284.8%	123.6%	106.4%	39.4 ▲	252.0%	113.6%	99.4%						
Dược phẩm	424.9 ▼	-0.8%	0.3%	-0.2%	79.1 ▼	-28.8%	45.0%	20.8%	4.1 ▼	-3.9%	80.7%	45.0%						
Bảo hiểm	91.5 ▬	0.0%	1.4%	1.5%	34.8 ▼	-36.0%	-14.6%	-29.1%	0.9 ▼	-25.8%	-26.9%	-44.4%						

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,631.4 ▼	-0.03%	28.8%	15.8x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,287 ▬	0.2%	-8.1%	16.4x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,372 ▼	-0.2%	18.3%	20.6x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,110 ▬	0.03%	-3.8%	16.1x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,727 ▬	0.2%	-12.3%	9.7x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,030 ▬	0.7%	20.2%	19.0x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	27,073 ▬	0.6%	35.0%	13.2x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	51,282 ▬	0.4%	28.5%	22.5x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,851 ▬	0.1%	16.5%	28.5x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	48,255 ▬	0.7%	13.4%	24.5x	5.2x
FTSE 100	Anh	9,873 ▼	-0.4%	20.8%	15.1x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,799 ▬	0.2%	18.4%	17.8x	2.4x
DXV		99.3 ▼	-0.13%	-8.5%		
USDVND		26,348 ▼	-0.01%	3.4%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

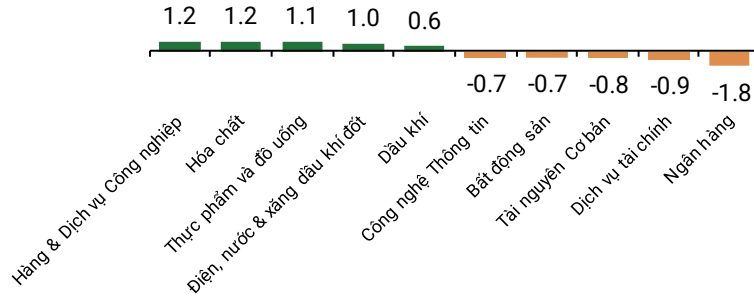
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▬	0.4%	-0.5%	-15.6%	-12.9%
Dầu WTI	▼	-3.8%	-1.3%	-18.1%	-14.2%
Khí gas	▼	-1.5%	44.2%	23.8%	50.7%
Than cốc (*)	▬	0.0%	6.9%	-4.3%	-12.5%
Thép HRC (*)	▼	-0.1%	-2.0%	-5.4%	-7.4%
PVC (*)	▬	0.0%	-2.3%	-7.6%	-12.4%
Phân Urea (*)	▲	2.8%	3.1%	10.6%	15.7%
Cao su thiên nhiên	▲	1.7%	1.6%	-12.4%	-9.2%
Bông Cotton	▼	-0.8%	-0.4%	-7.4%	-8.1%
Đường	▲	2.0%	-6.9%	-24.6%	-31.4%
World Container Index	▼	-5.1%	12.6%	-51.1%	-46.0%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.3%	23.3%	51.8%	58.3%
Vàng	▲	2.4%	2.8%	61.0%	64.2%
Bạc	▲	4.6%	2.3%	85.4%	76.8%

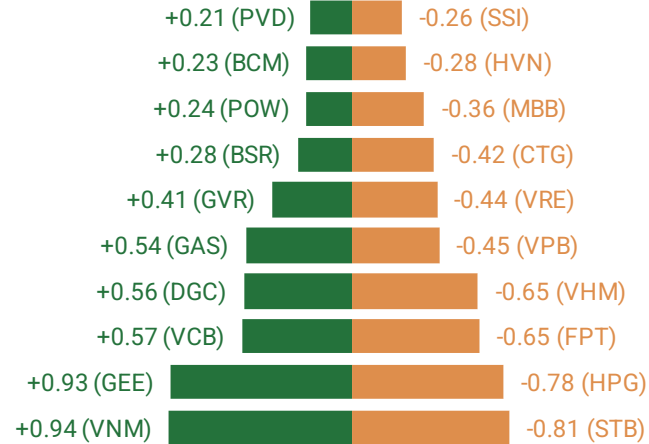
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

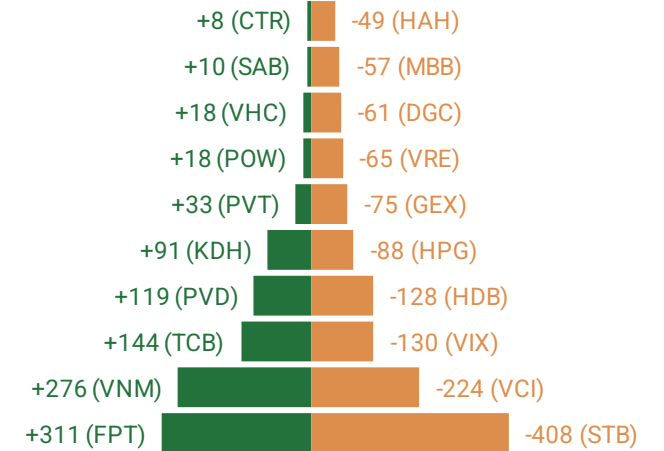


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

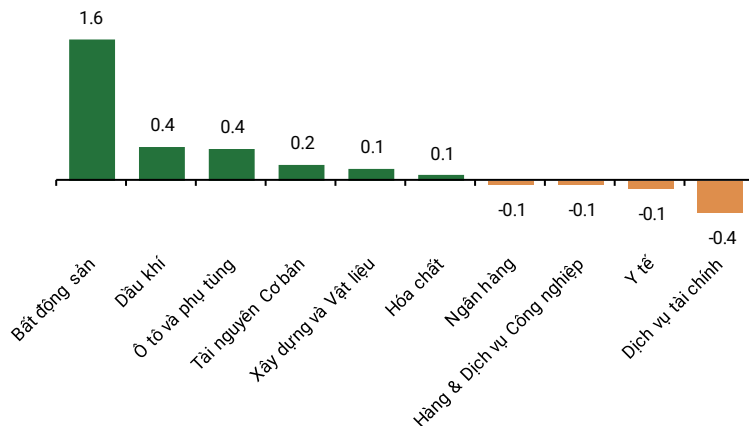


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

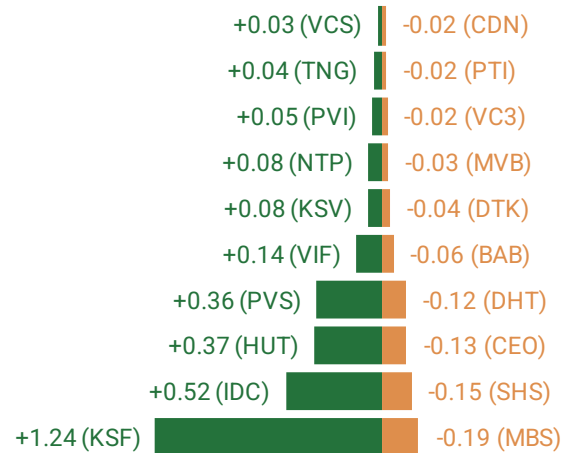
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



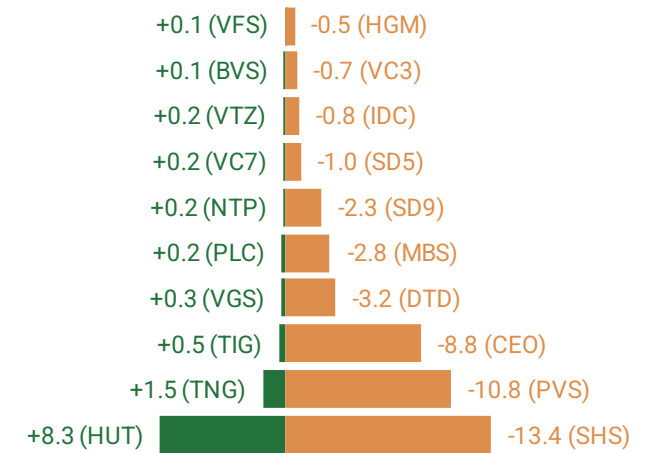
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SHB	VIX	STB	PVD	DGC
%DoD	0.3%	-1.8%	-3.8%	7.0%	7.0%
Giá trị	919	904	836	803	798

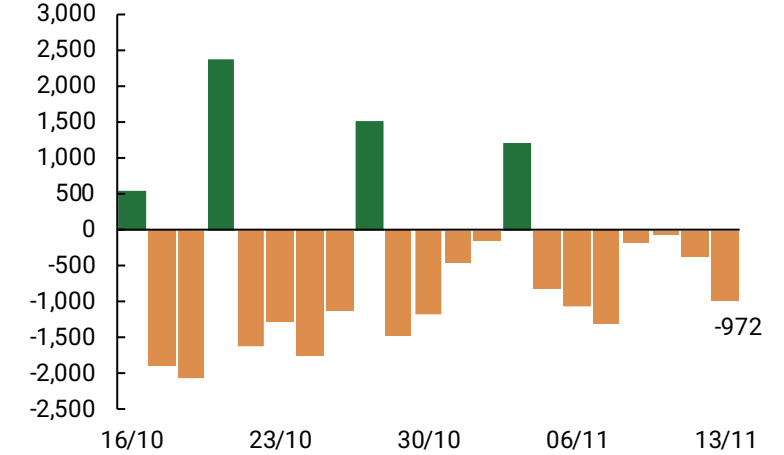
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	FPT	POW	VJC	KDC	SHB
%DoD	-1.7%	3.2%	0.1%	0.0%	0.3%
Giá trị	578	285	192	142	138

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



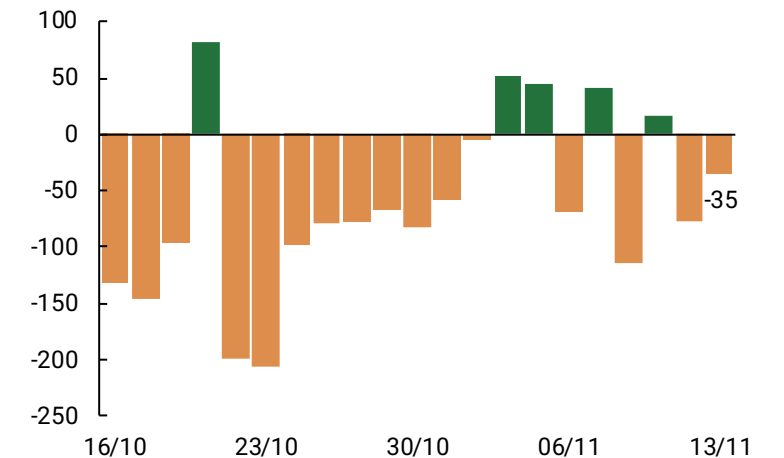
	PVS	CEO	SHS	IDC	HUT
%DoD	3.9%	-1.6%	-1.3%	6.1%	3.5%
Giá trị	470	322	282	278	71

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	PVS	HHC	VFS	IDC
%DoD	3.5%	3.9%	0.0%	-0.6%	6.1%
Giá trị	309	14	9	8	3

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Doji, vol thấp dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1540 - 1560.
- ✓ Kháng cự: 1660 – 1680.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số thu hẹp biên độ và chuyển sang trạng thái lưỡng lự sau phiên bất tăng hôm qua. Tín hiệu phù hợp về mặt vận động khi khu vực cản khá gần, quanh 1640 – 1660 điểm. Giao dịch có lẽ cần tích lũy thêm để tái tạo đà bứt phá. **Nếu Vn-index vượt trên ngưỡng 1660 điểm có thể kỳ vọng nhịp hồi lên vùng cản xa hơn quanh mức 1690 – 1700 điểm.** Hỗ trợ gần tạm thời được nâng lên quanh ngưỡng tâm lý 1600 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, vol thấp dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800.
- ✓ Kháng cự: 1870 - 1900.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

➔ Mức điều chỉnh và biến động ở VN30 lớn hơn VN-Index, cho thấy nhóm vốn hóa lớn bị ảnh hưởng nhiều hơn. Trái lại, dòng tiền đang hoạt động tốt ở nhóm Mid Cap giúp VN-Index cân bằng mà ít bị chi phối trong phiên. **Nếu chỉ số bứt phá trên ngưỡng 1880 điểm có thể kỳ vọng nhịp hồi kỹ thuật cao hơn lên vùng 1900 điểm.**

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	SAB	BUY	Current price		47.4	P/E (x)	14.1	
			Action price	14/11	47.4	P/B (x)	2.68	
Exchange	HOSE					EPS	3373.4	
			Target price		51	7.6%	ROE	18.9%
			Cut loss		45.5	-4.0%	Stock Rating	BBB
Sector	Brewers						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá giữ vận động tốt sau khi thoát khỏi vùng cản 45.5 – 46.5.
 - Thanh khoản gia tăng mạnh cho thấy dòng tiền trở lại.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường đường tín hiệu, cùng với RSI phục hồi lên trên mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng cải thiện.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng kỳ vọng tiếp tục phục hồi và mục tiêu hướng về đỉnh cũ.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	SAB	Mua	14/11/2025	47.4	47.4	0.0%	51.0	7.6%	45.5	-4.0%	Tín hiệu tạo đáy

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	CTR	Nắm giữ	30/10/2025	07/11/2025	92.90	91.8	1.2%	102.0	11.1%	85.0	-7.4%	
2	PLX	Mua	06/11/2025	-	34.50	35.2	-2.0%	39.0	10.8%	33.0	-6.3%	
3	VGTT	Mua	12/11/2025	-	12.60	12.10	4.1%	13.5	11.6%	11.4	-5.8%	
4	BFC	Mua	13/11/2025	-	45.70	45.8	-0.2%	51.0	11.4%	42.5	-7.2%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1863, giảm 7.6 điểm (-0.4%). Thanh khoản đi ngang so với phiên trước và dưới mức bình quân 20 phiên. Vận động trong phiên nghiêng về phục hồi nhưng áp lực bán cuối phiên đã chi phối mạnh hơn đẩy giá lùi về sắc đỏ.
- Ở đồ thị 1 giờ**, xu hướng hiện trung tính và giá có thể trở lại rung lắc trong biên độ 1858 - 1872 để kiểm định thêm. Điểm vào lệnh nên chờ giá xác nhận thoát khỏi các biên sẽ cho vận động rõ ràng hơn. Vị thế Long có thể tham gia khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 1874. Vị thế Short có thể cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1855.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1779, giảm 4.7 điểm (-0.3%). Độ lệch basis 5.3 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 10 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1760 - 1765, trong khi kháng cự là ngưỡng 1790 - 1800.

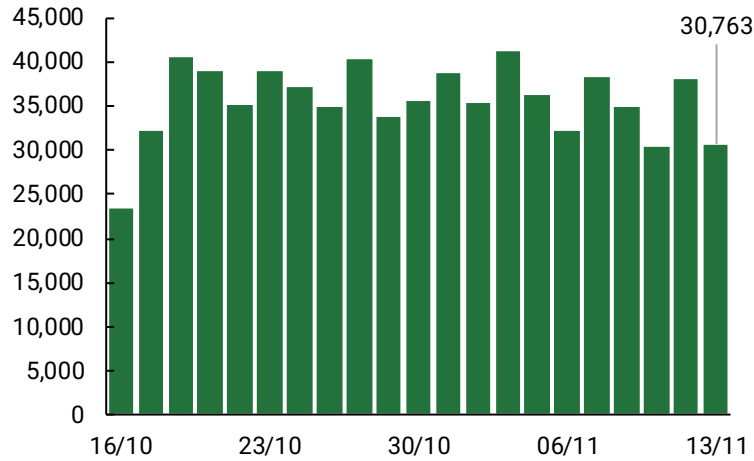
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.874	1.890	1.864	16 : 10
Short	< 1.855	1.842	1.864	13 : 09

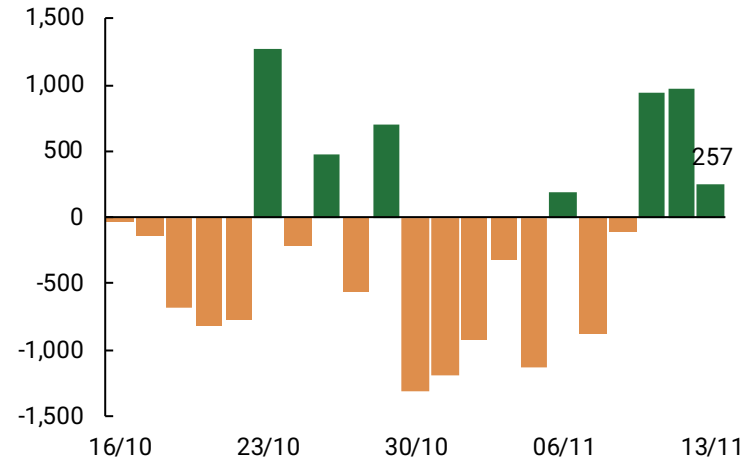
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,857.3	17.0	43	150	1,875.3	-18.0	18/06/2026	217
41I1G3000	1,845.5	-22.1	64	285	1,870.7	-25.2	19/03/2026	126
VN30F2512	1,854.9	-15.1	1,186	5,296	1,866.0	-11.1	18/12/2025	35
41I1FB000	1,863.0	-7.6	297,141	30,763	1,864.6	-1.6	20/11/2025	7
41I2FB000	1,779.0	-4.7	101	113	1,774.0	5.0	20/11/2025	7

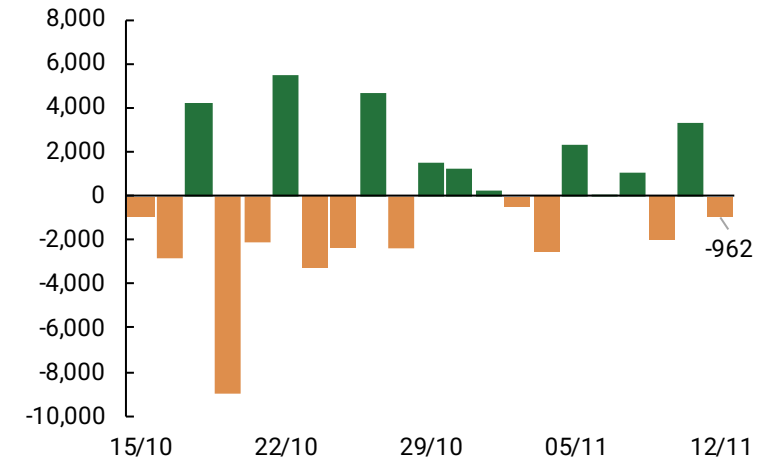
Khối lượng mở (Open interest)



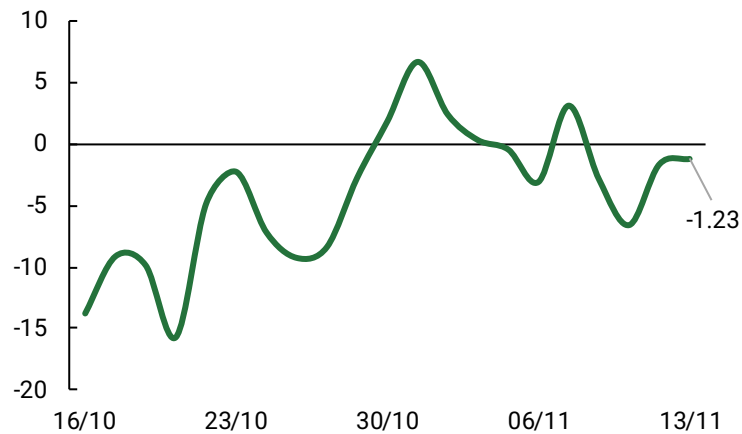
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



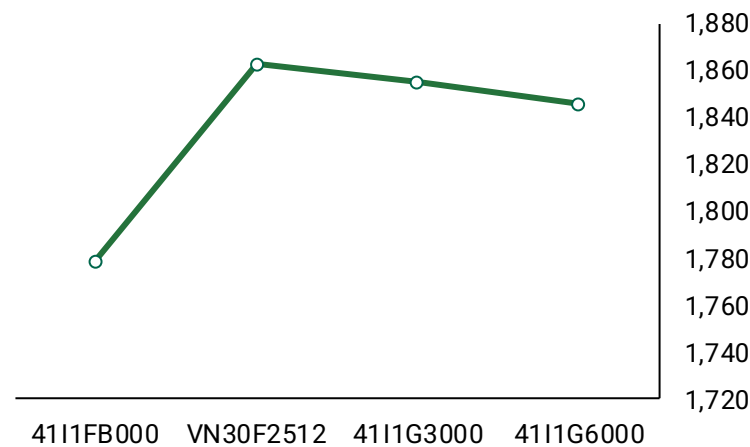
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



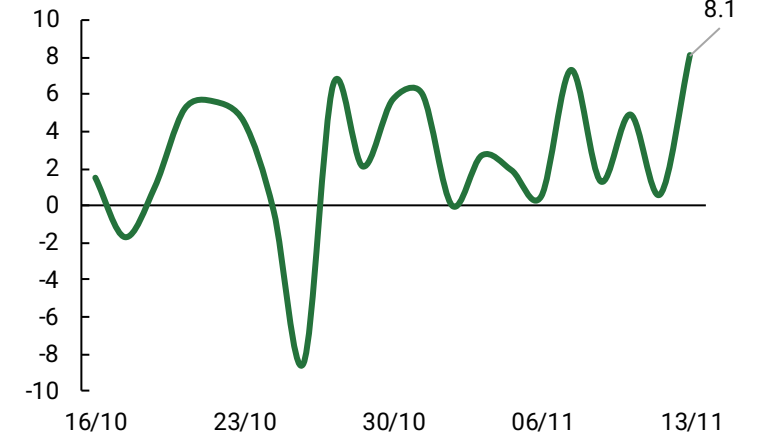
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	74,900	65,400	-12.7%	Bán
BCM	67,900	74,500	9.7%	Nắm giữ
CTD	88,400	92,400	4.5%	Nắm giữ
CTI	23,200	27,200	17.2%	Tăng tỷ trọng
DBD	51,900	68,000	31.0%	Mua
DDV	29,884	35,500	18.8%	Tăng tỷ trọng
DGC	100,000	102,300	2.3%	Nắm giữ
DGW	39,400	48,000	21.8%	Mua
DPR	38,400	41,500	8.1%	Nắm giữ
DRI	12,525	18,000	43.7%	Mua
EVF	12,350	14,400	16.6%	Tăng tỷ trọng
FRT	145,100	135,800	-6.4%	Giảm tỷ trọng
GMD	63,000	72,700	15.4%	Tăng tỷ trọng
HAH	66,000	67,600	2.4%	Nắm giữ
HDG	31,250	33,800	8.2%	Nắm giữ
HHV	13,550	12,600	-7.0%	Giảm tỷ trọng
HPG	26,550	12,600	-52.5%	Bán
IMP	48,000	55,000	14.6%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	23,500	22,700	-3.4%	Giảm tỷ trọng
MSH	40,150	47,100	17.3%	Tăng tỷ trọng
MWG	80,100	92,500	15.5%	Tăng tỷ trọng
NLG	36,500	39,950	9.5%	Nắm giữ
NT2	23,700	27,400	15.6%	Tăng tỷ trọng
PHR	56,500	72,800	28.8%	Mua
PNJ	90,300	95,400	5.6%	Nắm giữ
PVT	18,500	18,900	2.2%	Nắm giữ
SAB	47,400	59,900	26.4%	Mua
TLG	51,900	59,700	15.0%	Tăng tỷ trọng
TCB	35,100	35,650	1.6%	Nắm giữ
TCM	28,250	38,400	35.9%	Mua
TRC	75,900	94,500	24.5%	Mua
VCG	23,900	26,200	37.8%	Mua
VHC	58,800	60,000	6.7%	Nắm giữ
VNM	61,800	66,650	12.7%	Tăng tỷ trọng
VSC	22,000	17,900	18.4%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

Giá heo hơi chạm đáy 5 năm, người nuôi thua lỗ: Giá heo hơi trên cả nước tiếp tục giảm sâu, xuống dưới 50.000 đồng một kg, mức thấp nhất trong vòng 5 năm, khiến nhiều hộ chăn nuôi rơi vào cảnh thua lỗ. Thị trường đang chịu áp lực kép từ nguồn cung trong nước dư thừa và lượng thịt nhập khẩu tăng đột biến. Ngoài ra, sau đợt dịch tả châu Phi và mưa bão ở miền Bắc, các trại còn hàng đồng loạt xuất chuồng, càng khiến thị trường dồn ứ nguồn cung. Trong khi đó, giá bán lẻ chưa giảm tương ứng, khiến sức mua yếu...

Quốc hội chốt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 từ 10% trở lên: Sáng ngày 13/11, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, trong đó xác định mục tiêu tăng trưởng phần đầu từ 10% trở lên.

Ông Trump ký dự luật tài trợ, chính thức mở cửa lại Chính phủ: Tổng thống Donald Trump đã ký dự luật tài trợ thành luật vào tối muộn ngày 12/11 (giờ Mỹ), chính thức chấm dứt đợt đóng cửa Chính phủ liên bang dài nhất trong lịch sử Mỹ. Dự luật được Hạ viện thông qua trước đó cùng ngày với 222 phiếu thuận và 209 phiếu chống.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

DGC - Một cổ phiếu VN30 bất ngờ tăng kịch trần sau khi dự án BĐS 4.500 tỷ có biến: Cổ phiếu DGC tăng kịch trần lên 100,000 đồng/cp, vốn hóa gần 38,000 tỷ đồng, khối lượng giao dịch tăng mạnh nhờ thông tin được phê duyệt dự án BĐS 4,500 tỷ đồng tại Đức Giang. Dự án quy mô lớn với 880 căn hộ, nhà liền kề, trường học, dự kiến hoàn thành năm 2030, dự kiến lợi nhuận sau thuế 413 tỷ năm 2027 và 1,000 tỷ năm 2028. Kinh doanh 9 tháng đầu năm vượt trội, doanh thu 8,521 tỷ đồng (+14%), lợi nhuận sau thuế 2,403 tỷ đồng (+7%). Tổng tài sản và tiền mặt tăng mạnh, thể hiện tiềm năng tài chính ổn định.

STB - Ngân hàng ghi nhận phần lớn khoản thu từ bán nợ KCN Phong Phú trong quý III: Sacombank ghi nhận phần lớn khoản thu từ bán nợ dự án Phong Phú trong quý III/2025, ước tính khoảng 2.000 tỷ đồng, giúp cải thiện lợi suất tài sản sinh lãi và biên lãi thuần (NIM) tăng lên 3,93%. Ngân hàng cũng hoàn nhập dự phòng 3.600 tỷ đồng, nâng tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên 93,3%. Kết quả kinh doanh tích cực, thể hiện sự cải thiện tài chính rõ rệt.

NVL - Gần 2.400 căn nhà tại Aqua City đã được tỉnh Đồng Nai cấp phép mua bán: Sở Xây dựng Đồng Nai vừa cấp phép thêm 204 căn tại Ever Green 1, nâng tổng số căn tại Aqua City lên gần 2,400, đủ điều kiện kinh doanh theo Luật Kinh doanh BĐS 2023. Điều chỉnh quy hoạch 1/500 sắp hoàn thành, tạo đà thi công tăng tốc, hỗ trợ bàn giao cho khách hàng. Novaland đã bàn giao hơn 1,000 căn, nhiều tiện ích như Citigym, Aqua Marina, Nova Mall đi vào hoạt động.

Cơ Điện Lạnh (REE) được giao 7.091,6 ha biển để khảo sát điện gió ngoài khơi Nam Bộ 3: REE được giao 7.091,6 ha khu vực biển tại Nam Bộ phục vụ khảo sát địa chất – hải văn cho dự án điện gió ngoài khơi, với thời hạn 36 tháng và miễn phí sử dụng trong thời gian khảo sát. Công ty tăng vốn thêm 3,250 tỷ đồng cho mảng năng lượng, đặt mục tiêu nâng công suất lên trên 2,000 MW vào năm 2030. Quý 3/2025, doanh thu đạt 7,134.03 tỷ đồng (+17.9%), lợi nhuận sau thuế 2,380.8 tỷ đồng (+57.3%), hoàn thành 98.1% kế hoạch năm.

- 03/11 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/11 Việt Nam – MSCI công bố đảo danh mục
- 06/11 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 10 và 10 tháng
- 07/11 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Thay đổi việc làm phi nông nghiệp
- 09/11 Trung Quốc - CPI, PPI y/y
- 13/11 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 14/11 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
- 20/11 Việt Nam - Đảo hạn phái sinh
Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC
Trung Quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 26/11 Mỹ - Công bố số điều chỉnh GDP, PCE lõi
- 30/11 Cuộc họp OPEC

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415